

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 28



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 05 năm 2021, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 09 ngày 13 tháng 5 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSTRUCTION MACHINERY AND WATER ELECTRIC MACHINE INSTALLING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: COMAEL.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 13 tháng 5 năm 2021 là 11.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Quang Hào	Chủ tịch
Ông Ngô Thế Viên	Thành viên
Ông Lê Anh Dũng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Vũ Nguyên Đức	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Kiều Thị Nguyệt Nga	Trưởng ban (Ngày 26/4/2023 bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, ngày 05/5/2023 bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát)
Bà Lê Thị Linh Chi	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/4/2023)
Bà Nguyễn Thị Dư	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ngô Thế Viên	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Nguyên Đức	Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được soát kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



**Ngô Thế Viên**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024



Số: 198/2024/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa thực hiện kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho số tiền 1.202.971.213 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 1.202.971.213 đồng) và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang số tiền 8.513.022.526 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 9.294.328.920 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính hiện hữu và dự phòng giảm giá của số dư các khoản mục trên, cũng như xác định ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tại thời điểm 31/12/2023, Chúng tôi không thể thu thập được xác nhận khoản vay với số tiền là 21.628.170.454 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 21.628.170.454 đồng); các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng số tiền 11.528.647.209 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 13.195.772.611 đồng); tài sản thiếu chờ xử lý số tiền 1.389.485.642 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 1.389.485.642 đồng); các khoản trả trước người bán số tiền 1.575.159.008 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 1.575.159.008 đồng); phải thu khác số tiền 29.721.247.105 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 29.721.247.105 đồng); phải trả người bán số tiền 4.750.628.141 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 4.773.832.642 đồng) và các khoản phải trả, phải nộp khác số tiền 8.265.043.530 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 là 8.265.043.530 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn và dự phòng phải thu khó đòi nếu có của số dư các khoản công nợ trên, cũng như xác định ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Các vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4 - Phần thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả các vấn đề như sau: Tại ngày 31/12/2023, lỗ lũy kế của Công ty là (40.207.336.365) đồng, âm vốn chủ sở hữu là (29.007.336.365) đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 33.508.102.641 đồng. Những điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngày 21/11/2023, Công ty nhận được Quyết định số 81864/QĐ-CTHN-QLN ngày 21/11/2023 của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

**Nguyễn Thị Tiên**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.628.939.941</b>	<b>91.404.734.191</b>
(100=110+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.980.758.895</b>	<b>3.611.085.756</b>
1. Tiền	111		2.980.758.895	3.611.085.756
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>85.769.782.808</b>	<b>70.687.682.217</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	60.038.409.157	49.540.846.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.695.985.112	3.163.677.600
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	39.037.846.258	33.985.616.177
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(17.391.943.361)	(17.391.943.361)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	1.389.485.642	1.389.485.642
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>14.742.140.820</b>	<b>16.965.262.296</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.742.140.820	16.965.262.296
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>136.257.418</b>	<b>140.703.922</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	136.257.418	140.703.922
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.842.584.493</b>	<b>5.086.352.570</b>
(200=210+220+230+240+260)				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.170.268.246</b>	<b>1.018.054.420</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.170.268.246	1.018.054.420
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.032.932.947</b>	<b>2.038.628.082</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.032.932.947	2.038.628.082
- Nguyên giá	222		38.820.721.328	38.265.072.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.787.788.381)	(36.226.444.381)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>500.857.746</b>	<b>530.771.631</b>
1. Nguyên giá	231		1.743.917.180	1.743.917.180
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.243.059.434)	(1.213.145.549)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	60.000.000	60.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.078.525.554</b>	<b>1.438.898.437</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.078.525.554	1.438.898.437
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>				
(270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>109.471.524.434</b>	<b>96.491.086.761</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>138.478.860.799</b>	<b>129.027.153.409</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>137.137.042.582</b>	<b>127.538.062.468</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	29.600.436.395	20.091.275.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.906.205.277	3.633.098.876
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	22.546.672.624	25.045.179.659
4. Phải trả người lao động	314		816.728.218	778.383.086
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	15.804.855.439	17.134.550.651
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	-	871.421.966
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	40.878.005.510	37.335.013.718
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	23.573.170.454	22.638.170.454
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		10.968.665	10.968.665
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.341.818.217</b>	<b>1.489.090.941</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	1.341.818.217	1.489.090.941
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>(29.007.336.365)</b>	<b>(32.536.066.648)</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>(29.007.336.365)</b>	<b>(32.536.066.648)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.000.000.000	11.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		200.000.000	200.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(40.207.336.365)	(43.736.066.648)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(43.736.066.648)	(45.565.290.203)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.528.730.283	1.829.223.555
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>109.471.524.434</b>	<b>96.491.086.761</b>

Người lập

Nguyễn Thị Đur

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Ngô Thế Viên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	73.287.641.118	79.079.189.617
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		73.287.641.118	79.079.189.617
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	63.032.787.811	68.177.686.506
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>10.254.853.307</b>	<b>10.901.503.111</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	205.236.053	346.281.207
7. Chi phí tài chính	22	6.4	112.633.094	322.382.501
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>112.633.094</i>	<i>322.382.501</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.364.709.502	8.656.285.601
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>3.982.746.764</b>	<b>2.269.116.216</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.433.019.807	676.722.737
12. Chi phí khác	32	6.6	377.627.683	553.331.475
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>1.055.392.124</b>	<b>123.391.262</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>5.038.138.888</b>	<b>2.392.507.478</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.509.408.605	563.283.923
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.528.730.283</b>	<b>1.829.223.555</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	3.208	1.663

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Dur

Nguyễn Thị Hương

Ngô Thế Viên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.038.138.888	2.392.507.478
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		591.257.885	873.773.270
- Các khoản dự phòng	03		-	2.726.680.299
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(95.583)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.555.933)	(169.873.387)
- Chi phí lãi vay	06		112.633.094	322.382.501
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.736.473.934	6.145.374.578
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.234.314.417)	2.563.670.325
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.223.121.476	5.800.085.936
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.769.017.799	(8.253.541.805)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(635.180.613)	(803.563.740)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(112.633.094)	(322.382.501)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(761.719.014)	(714.306.971)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.015.233.929)	4.415.335.822
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(555.648.865)	(43.245.574)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.555.933	169.873.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(550.092.932)	126.627.813
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.945.000.000	1.310.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.010.000.000)	(5.210.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		935.000.000	(3.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(630.326.861)	641.963.635
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.611.085.756	2.969.026.538
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	95.583
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	2.980.758.895	3.611.085.756

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Dư

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Ngô Thế Viên



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 05 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSTRUCTION MACHINERY AND WATER ELECTRIC MACHINE INSTALLING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: COMAEL

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 13 tháng 5 năm 2021 là 11.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 89 người (Tại ngày 31/12/2022 là 99 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất thiết bị phụ tùng, máy móc cho ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và công trình đô thị;
- Sửa chữa đóng mới ca nô, xà lan;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông và cơ khí;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành điện bao gồm: Tủ bảng điện trung, hạ thế, trạm biến áp hợp bộ, trạm ki ốt, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, tủ điều khiển và các sản phẩm cơ khí liên quan đến ngành điện;
- Chế tạo, lắp đặt công nghiệp thiết bị áp lực, các thiết bị đường ống dầu, khí, các hệ thống gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí, chiếu sáng, hệ thống lọc bụi, bồn bể;
- Chế tạo và thi công lắp đặt hệ thống cầu, đường bộ và đường sắt;
- Xây dựng, hoàn thiện và trang trí nội thất công trình, lắp đặt cơ khí, điện nước, kết cấu xây dựng và thiết bị công nghệ;
- Thi công các công trình giao thông, bến cảng, thủy lợi;
- Nhận thầu thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây và trạm biến áp, thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước;
- Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện;
- Thi công bằng phương pháp khoan bắn nổ mìn;
- Tư vấn thiết kế cơ khí, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lập dự án đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hệ thống cấp thoát nước, các công trình hạ tầng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500kV;
- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị các công trình xây dựng;
- Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Chế tạo thiết bị nâng hạ;
- Chế tạo và lắp dựng cột an ten (viba);
- Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống thông tin viễn thông;
- Kinh doanh và phát triển nhà;
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Mua bán, lắp đặt thiết bị nâng và thang máy;
- Kinh doanh vật tư, phụ tùng thiết bị nâng và thang máy.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2023 là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh, doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có đơn vị phụ thuộc sau::

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (Comael.1)	Cụm công nghiệp Tân Quang, thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước tại Thành phố Hồ Chí Minh	81 Cù Lao Khu dân cư Rạch Miễu P.02, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2023, lỗ lũy kế của Công ty là (40.207.336.365) đồng, âm vốn chủ sở hữu là (29.007.336.365) đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 33.508.102.641 đồng.

Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Công ty đã thực hiện các biện pháp gia tăng doanh thu từ các đơn hàng cơ khí; từ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng và gia tăng các doanh thu khác. Đồng thời, huy động nguồn vốn vay từ các cá nhân với lãi suất ưu đãi.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp năm 2023 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2023.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25-50
Máy móc thiết bị	05-08
Phương tiện vận tải	05-10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư là nhà kho được khấu hao trong vòng từ 07-10 năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty mẹ).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ (cung cấp dịch vụ gia công, chế tạo, lắp đặt cơ khí, cho thuê nhà xưởng...)

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chủ yếu hoạt động trong bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ giá công, chế tạo, lắp đặt cơ khí và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	596.493.172	547.731.280
Tiền gửi ngân hàng	2.384.265.723	3.063.354.476
<b>Tổng</b>	<b>2.980.758.895</b>	<b>3.611.085.756</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>60.038.409.157</b>	<b>49.540.846.159</b>
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	2.691.369.986	4.699.985.368
Công ty TNHH Kilama	2.707.421.727	2.707.421.727
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	1.667.131.695	1.667.131.695
Các khách hàng khác	52.972.485.749	40.466.307.369
<b>Tổng</b>	<b>60.038.409.157</b>	<b>49.540.846.159</b>

Trong đó:

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

**2.813.998.196**

**4.822.613.578**

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.695.985.112</b>	<b>3.163.677.600</b>
Công ty cổ phần Xây dựng và Lắp máy Điện nước số 3	1.252.969.091	1.252.969.091
Công ty TNHH Sông Thao	602.384.500	602.384.500
Đối tượng khác	840.631.521	1.308.324.009
<b>Tổng</b>	<b>2.695.985.112</b>	<b>3.163.677.600</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>39.037.846.258</b>	<b>(594.583.060)</b>	<b>33.985.616.177</b>	<b>(1.987.348.702)</b>
Phải thu bảo hiểm xã hội	12.746.164	-	4.795.856	-
Phải thu các xí nghiệp theo tỷ lệ giao khoán	27.314.525.162	-	23.216.486.994	-
Các khoản phải thu khác	8.041.952.530	-	7.516.976.773	(1.392.765.642)
Ký cược, ký quỹ	168.831.050	-	83.888.190	-
Tạm ứng	3.499.791.352	(594.583.060)	3.163.468.364	(594.583.060)
<b>Dài hạn</b>	<b>1.170.268.246</b>	<b>-</b>	<b>1.018.054.420</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	1.170.268.246	-	1.018.054.420	-
<b>Tổng</b>	<b>40.208.114.504</b>	<b>(594.583.060)</b>	<b>35.003.670.597</b>	<b>(1.987.348.702)</b>

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Kilama	2.013.660.864	2.013.660.864	-	2.013.660.864	2.013.660.864	-
Lê Đức Phong (Đội 9 - XN5)	1.015.314.792	1.015.314.792	-	1.015.314.792	1.015.314.792	-
Các đối tượng khác	16.720.405.542	14.362.967.705	2.357.437.837	16.722.200.112	14.362.967.705	2.359.232.407
<b>Tổng</b>	<b>19.749.381.198</b>	<b>17.391.943.361</b>	<b>2.357.437.837</b>	<b>19.751.175.768</b>	<b>17.391.943.361</b>	<b>2.359.232.407</b>

**5.6 Tài sản thiếu xử lý**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản thiếu không còn hồ sơ		1.389.485.642		1.389.485.642
<b>Tổng</b>	<b>(*)</b>	<b>1.389.485.642</b>	<b>(*)</b>	<b>1.389.485.642</b>

(\*) Không có hồ sơ xác định



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.202.971.213	-	1.202.971.213	-
Chi phí SX KDDD	13.395.169.607	-	15.618.291.083	-
Thành phẩm	144.000.000	-	144.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>14.742.140.820</b>	<b>-</b>	<b>16.965.262.296</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>136.257.418</b>	<b>140.703.922</b>
Chi phí khác chờ phân bổ	136.257.418	140.703.922
<b>Dài hạn</b>	<b>2.078.525.554</b>	<b>1.438.898.437</b>
Chi phí khác chờ phân bổ	2.078.525.554	1.438.898.437
<b>Tổng</b>	<b>2.214.782.972</b>	<b>1.579.602.359</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2023	27.780.424.535	7.417.350.539	2.894.452.145	121.166.061	51.679.183	38.265.072.463
Tăng trong năm	332.110.995	223.537.870	-	-	-	555.648.865
Mua trong năm	-	223.537.870	-	-	-	223.537.870
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	332.110.995	-	-	-	-	332.110.995
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>28.112.535.530</b>	<b>7.640.888.409</b>	<b>2.894.452.145</b>	<b>121.166.061</b>	<b>51.679.183</b>	<b>38.820.721.328</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2023	25.969.800.876	7.362.026.060	2.781.850.657	61.087.605	51.679.183	36.226.444.381
Tăng trong năm	417.197.157	48.328.291	79.039.888	16.778.664	-	561.344.000
Khấu hao trong năm	417.197.157	48.328.291	79.039.888	16.778.664	-	561.344.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>26.386.998.033</b>	<b>7.410.354.351</b>	<b>2.860.890.545</b>	<b>77.866.269</b>	<b>51.679.183</b>	<b>36.787.788.381</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2023	1.810.623.659	55.324.479	112.601.488	60.078.456	-	2.038.628.082
Tại 31/12/2023	1.725.537.497	230.534.058	33.561.600	43.299.792	-	2.032.932.947

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 29.550.517.678 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 27.184.821.159 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng		Số cuối năm
		trong năm	trong năm	
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	1.743.917.180	-	-	1.743.917.180
- Nhà	1.743.917.180	-	-	1.743.917.180
Giá trị hao mòn lũy kế	1.213.145.549	29.913.885	-	1.243.059.434
- Nhà	1.213.145.549	29.913.885	-	1.243.059.434
Giá trị còn lại	530.771.631	-	29.913.885	500.857.746
- Nhà	530.771.631	-	29.913.885	500.857.746

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cây xăng Cổ Bi	60.000.000	60.000.000
	60.000.000	60.000.000
<b>Tổng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>

**5.12 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>29.600.436.395</b>	<b>29.600.436.395</b>	<b>20.091.275.393</b>	<b>20.091.275.393</b>
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Gia Lâm (KILAMA-Thép cuộn)	2.707.421.736	2.707.421.736	2.707.421.736	2.707.421.736
Công ty CP SX Và Thương mại Phú Tài	1.248.547.333	1.248.547.333	1.447.398.002	1.447.398.002
Công ty Cổ phần Thép và Thiết bị Hà Nội	-	-	114.804.455	114.804.455
Công ty TNHH SX và KD Thép Đông Á	2.483.376.733	2.483.376.733	270.709.380	270.709.380
Phải trả đối tượng khác	23.161.090.593	23.161.090.593	15.550.941.820	15.550.941.820
<b>Tổng</b>	<b>29.600.436.395</b>	<b>29.600.436.395</b>	<b>20.091.275.393</b>	<b>20.091.275.393</b>

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan

496.894.609	496.894.609	496.894.609	496.894.609
-------------	-------------	-------------	-------------

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.906.205.277</b>	<b>3.633.098.876</b>
Công ty Cổ Phần Cơ Khí XD Gia Lâm	1.740.000.000	-
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây dựng Gia Lâm	606.359.200	606.359.200
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị ETD	-	926.092.000
Người mua trả tiền trước khác	1.559.846.077	2.100.647.676
<b>Tổng</b>	<b>3.906.205.277</b>	<b>3.633.098.876</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
<b>Phải nộp</b>	<b>25.045.179.659</b>	<b>7.477.662.347</b>	<b>9.976.169.382</b>	<b>22.546.672.624</b>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	518.759.925	1.634.956.609	1.171.788.380	981.928.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	263.283.923	1.509.408.605	761.719.014	1.010.973.514
Thuế thu nhập cá nhân	51.951.422	137.206.459	92.902.691	96.255.190
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.011.888.142	3.930.274.248	5.422.752.434	519.409.956
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.199.296.247	261.816.426	2.523.006.863	19.938.105.810

**5.15 Chi phí phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.804.855.439</b>	<b>17.134.550.651</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	13.623.464.234	13.623.464.234
Trích trước chi phí công trình nhiệt điện HONGSA (Chi phí Tổng Công ty chưa xuất hóa đơn)	-	2.008.615.382
Chi phí phải trả khác	2.181.391.205	1.502.471.035
<b>Tổng</b>	<b>15.804.855.439</b>	<b>17.134.550.651</b>

*Trong đó:*

<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>2.008.615.382</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG****VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.16 Phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.878.005.510</b>	<b>37.335.013.718</b>
Kinh phí công đoàn	331.249.583	350.037.087
Lãi vay phải trả	67.628.481	67.628.481
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.479.127.446	36.917.348.150
- Phải trả Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	15.221.008.596	15.421.008.596
+ <i>Lãi vay</i>	<i>9.537.033.015</i>	<i>9.537.033.015</i>
+ <i>Tiền bán vốn Nhà nước</i>	<i>538.578.012</i>	<i>738.578.012</i>
+ <i>Phí thương hiệu</i>	<i>839.703.105</i>	<i>839.703.105</i>
+ <i>Công trình kê Tuy Hòa - Phú Yên</i>	<i>4.305.694.464</i>	<i>4.305.694.464</i>
- Phải trả các xí nghiệp theo tỷ lệ giao khoán	23.707.502.024	20.008.555.469
- Các khoản khác	1.550.616.826	1.487.784.085
<b>Tổng</b>	<b>40.878.005.510</b>	<b>37.335.013.718</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>15.221.008.596</i>	<i>15.421.008.596</i>

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>871.421.966</b>
Doanh thu nhận trước về thực hiện hợp đồng	-	871.421.966
<b>Dài hạn</b>	<b>1.341.818.217</b>	<b>1.489.090.941</b>
Doanh thu thuê nhà	1.341.818.217	1.489.090.941
<b>Tổng</b>	<b>1.341.818.217</b>	<b>2.360.512.907</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>23.573.170.454</b>	<b>1.945.000.000</b>	<b>1.945.000.000</b>	<b>1.010.000.000</b>	<b>22.638.170.454</b>	<b>1.010.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà Nội (1)	20.867.170.454	-	-	-	20.867.170.454	-
Bộ Xây dựng (2)	761.000.000	-	-	-	761.000.000	-
Vay cá nhân (3)	1.945.000.000	1.945.000.000	1.945.000.000	1.010.000.000	1.010.000.000	1.010.000.000
<b>Tổng</b>	<b>23.573.170.454</b>	<b>1.945.000.000</b>	<b>1.945.000.000</b>	<b>1.010.000.000</b>	<b>22.638.170.454</b>	<b>1.010.000.000</b>

(1) Hợp đồng tín dụng ngân hàng hạn mức số 04/04/HĐ ngày 10/5/2004 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Hà Nội và Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước số tiền hạn mức tối đa là 27.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động thường xuyên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay tối đa 09 tháng cho mỗi khoản rút vốn vay. Lãi suất được quy định trong từng hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn cụ thể. Biện pháp đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty tại Bồ Đề - Long Biên - Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/03/HĐ ngày 26/3/2003. Khoản vay đã được ngân hàng khoan nợ nhưng Công ty vẫn không có khả năng thanh toán số công nợ này.

(2) Công ty chưa tìm được hồ sơ và chưa xác định được nội dung cụ thể của khoản vay này do thời gian đã quá lâu.

(3) Khoản vay các cá nhân có thời hạn 06 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm. Các khoản vay không quy định tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	11.000.000.000	200.000.000	(45.565.290.203)	(34.365.290.203)
Lãi trong năm trước	-		1.829.223.555	1.829.223.555
Số dư tại 31/12/2022	11.000.000.000	200.000.000	(43.736.066.648)	(32.536.066.648)
Số dư tại 01/01/2023	11.000.000.000	200.000.000	(43.736.066.648)	(32.536.066.648)
Lãi trong năm nay	-	-	3.528.730.283	3.528.730.283
Số dư tại 31/12/2023	11.000.000.000	200.000.000	(40.207.336.365)	(29.007.336.365)

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	5.669.400.000	5.669.400.000
Các cổ đông khác	5.330.600.000	5.330.600.000
<b>Tổng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại đầu năm	11.000.000.000	11.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	11.000.000.000	11.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.100.000</b>	<b>1.100.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.100.000</b>	<b>1.100.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.100.000</b>	<b>1.100.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.20 Chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	-	219,73
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>219,73</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cơ khí	58.308.678.295	65.255.812.822
Doanh thu dịch vụ	14.838.979.823	13.423.229.371
Doanh thu khác	139.983.000	400.147.424
<b>Tổng</b>	<b>73.287.641.118</b>	<b>79.079.189.617</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn cơ khí	56.379.792.912	62.942.897.038
Giá vốn dịch vụ	6.527.010.199	5.234.789.468
Giá vốn khác	125.984.700	-
<b>Tổng</b>	<b>63.032.787.811</b>	<b>68.177.686.506</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.555.933	169.873.387
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	95.583
Doanh thu hoạt động tài chính khác	199.680.120	176.312.237
<b>Tổng</b>	<b>205.236.053</b>	<b>346.281.207</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi vay	112.633.094	322.382.501
<b>Tổng</b>	<b>112.633.094</b>	<b>322.382.501</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6.364.709.502</b>	<b>8.656.285.601</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.849.302.837	4.572.338.111
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.640.249	35.749.228
Chi phí khấu hao TSCĐ	146.689.422	187.742.846
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	2.726.680.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	990.084.126	805.996.938
Chi phí bằng tiền khác	361.992.868	323.778.179
<b>Tổng</b>	<b>6.364.709.502</b>	<b>8.656.285.601</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Xử lý công nợ	626.465.472	-
Thu tiền điện, khấu hao của các xí nghiệp	637.425.124	529.999.706
Thu nhập khác	169.129.211	146.723.031
<b>Tổng</b>	<b>1.433.019.807</b>	<b>676.722.737</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt thuế và chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	336.600.335	421.817.137
Chi phí khác	41.027.348	131.514.338
<b>Tổng</b>	<b>377.627.683</b>	<b>553.331.475</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)</b>	<b>1.055.392.124</b>	<b>123.391.262</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.038.138.888</b>	<b>2.392.507.478</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	408.600.335	423.912.137
+ <i>Phạt thuế và chậm nộp</i>	336.600.335	423.912.137
+ <i>Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	72.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	766.448.472	-
+ <i>Doanh thu tăng theo biên bản thanh tra thuế</i>	766.448.472	-
<b>Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.680.290.751</b>	<b>2.816.419.615</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>936.058.150</b>	-
<b>Truy thu thuế TNDN các năm trước</b>	<b>573.350.455</b>	-
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.509.408.605</b>	<b>563.283.923</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.528.730.283	1.829.223.555
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.528.730.283	1.829.223.555
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.208	1.663

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.690.460.317	33.693.702.222
Chi phí nhân công	14.096.853.538	14.796.721.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	591.257.885	873.773.270
Chi phí dự phòng	-	2.726.680.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.164.399.187	13.607.980.392
Chi phí khác bằng tiền	4.526.027.768	6.601.531.841
<b>Tổng</b>	<b>68.068.998.695</b>	<b>72.300.389.660</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Khóa Minh Khai	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

**Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2023</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2023</u> <u>VND</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>2.813.998.196</b>	<b>4.822.613.578</b>
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ	2.691.369.986	4.699.985.368
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ	122.628.210	122.628.210
<b>Phải trả người bán</b>		<b>496.894.609</b>	<b>496.894.609</b>
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ	496.894.609	496.894.609
<b>Chi phí phải trả</b>		<b>-</b>	<b>2.008.615.382</b>
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ	-	2.008.615.382
<b>Phải trả khác</b>		<b>15.221.008.596</b>	<b>15.421.008.596</b>
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ	15.221.008.596	15.421.008.596

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Dư

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Ngô Thế Viên